

Số: /BC-CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2022

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

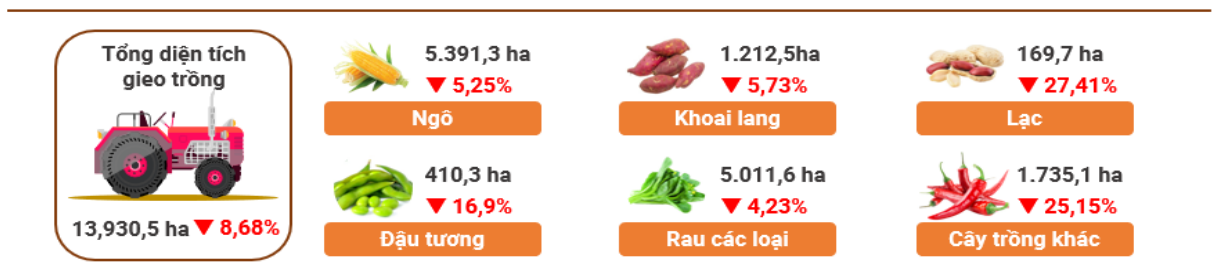
1.1. Sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng chủ yếu tập trung vào thu hoạch các loại rau màu vụ Mùa và gieo trồng cây vụ Đông theo khung thời vụ. Chăn nuôi trâu, bò, gia cầm nhìn chung ổn định; chăn nuôi lợn gặp khó khăn trong việc duy trì và mở rộng quy mô đàn lợn do giá bán lợn hơi có xu hướng giảm.

a. Trồng trọt

Thời tiết trong tháng thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng phát triển. Một số diện tích rau màu của tỉnh có xuất hiện sâu bệnh gây hại rải rác. Các địa phương và ngành chức năng cùng bà con nông dân tiếp tục đảm bảo tưới tiêu nước, chăm sóc tốt cây trồng, tăng cường theo dõi dịch bệnh để xử lý kịp thời. Tính đến trung tuần tháng Mười một, bà con nông dân cơ bản đã hoàn tất việc gieo trồng vụ Đông năm 2022 - 2023, chỉ còn một số diện tích rau và cây trồng khác đang tiếp tục được gieo trồng. Tổng diện tích cây trồng các loại ước đạt 13.930,5 ha, giảm 8,68% so với cùng kỳ. Toàn bộ diện tích gieo trồng các loại cây trồng chính vụ đông năm nay đều giảm so với vụ đông năm trước. Nguyên nhân là do cơn bão số 4 làm mưa lớn xảy ra trên diện rộng (từ ngày 28/9/2022 đến 01/10/2022) nên tiến độ làm đất cho gieo trồng vụ Đông năm 2022 - 2023 của tỉnh bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, một phần lao động trong nông nghiệp đã chuyển sang làm công việc khác ở khu vực kinh tế công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ để có thu nhập cao hơn nên lao động làm nông nghiệp giảm đáng kể dẫn đến nhiều diện tích đất bị bỏ trống, không gieo trồng. Tiến độ gieo trồng của các loại cây cụ thể như sau:

Hình 01: Tiến độ gieo trồng của một số loại cây trồng chủ yếu



b. Chăn nuôi

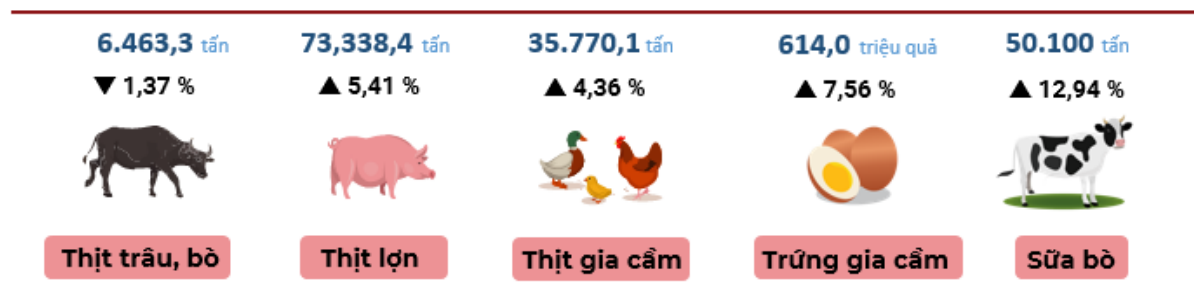
Chăn nuôi trâu, bò của tỉnh tiếp tục xu hướng giảm cả về số lượng đầu con và sản lượng sản phẩm: Tổng đàn trâu, bò trong tháng ước đạt 114.980 con, giảm 0,52%; sản lượng thịt trâu, bò hơi đạt 600,5 tấn, giảm 2,05% so với cùng kỳ. Riêng chăn nuôi bò sữa của tỉnh có sự phát triển khá do sản phẩm sữa có đầu ra ổn định, sản lượng sữa đạt 4.400 tấn, tăng 22,22% so với cùng kỳ.

Chăn nuôi lợn trong tháng gặp khó khăn do giá bán thịt lợn hơi trên địa bàn tỉnh tiếp tục có xu hướng giảm so với tháng trước¹. Nguyên nhân do nguồn cung dồi dào trong khi sức tiêu thụ thịt lợn tại các kênh bán lẻ đều chậm; sản phẩm trong nước vẫn khó cạnh tranh về giá với các loại thịt nhập khẩu trên thị trường có giá bán thấp hơn. Tổng đàn lợn tại thời điểm 30/11/2022 ước đạt 491.500 con, tăng 3,65% so với cùng thời điểm năm trước. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 6.320 tấn, tăng 5,51% so với cùng kỳ.

Đàn gia cầm phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra, kết quả chăn nuôi gia cầm về đầu con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng và sản lượng trứng sản xuất ra đều tăng so với cùng kỳ. Giá trứng, thịt gia cầm tuy có giảm so với các tháng trước nhưng vẫn ở mức cao, người chăn nuôi có lãi nên yên tâm sản xuất. Tổng đàn gia cầm tại thời điểm 30/11/2022 ước đạt 12,24 triệu con, tăng 0,25%. Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 3,05 nghìn tấn, tăng 4,46% so với cùng kỳ. Sản lượng trứng gia cầm trong tháng ước đạt 57,5 triệu quả, tăng 9,32% so với cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, ước tính sản lượng thịt trâu, bò hơi xuất chuồng đạt 6.463,3 tấn, giảm 1,37%; thịt lợn hơi đạt 73.338,4 tấn, tăng 5,41%; thịt gia cầm hơi đạt 35.770,1 tấn, tăng 4,36%; sản lượng trứng gia cầm đạt 614,0 triệu quả, tăng 7,56%; sản lượng sữa bò tươi đạt 50.100 tấn, tăng 12,94% so với cùng kỳ.

Hình 02: Một số sản phẩm chăn nuôi 11 tháng đầu năm 2022



¹ Giá thịt lợn hơi tháng 10 dao động từ 58.000 đồng - 60.000 đồng/kg; tháng 11 dao động từ 54.000 đồng - 56.000 đồng/kg.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Tháng 11/2022, sản xuất lâm nghiệp nhìn chung ổn định, các hoạt động diễn ra trong tháng chủ yếu là chăm sóc, bảo vệ rừng, chuẩn bị hiện trường, quỹ đất và cây giống cho hoạt động trồng rừng vào năm 2023. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 4.660 m³, tăng 5,96% so với cùng kỳ; sản lượng củi khai thác ước đạt 4.060 ste, giảm 6,02% so với cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng đầu năm, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 42.865,8 m³, tăng 3,83%; sản lượng củi khai thác ước đạt 44.547 ste, giảm 8,36% so với 11 tháng đầu năm 2021.

Công tác phòng chống và cảnh báo cháy rừng tiếp tục được thực hiện chặt chẽ với sự phối hợp các cơ quan chức năng, doanh nghiệp, chủ rừng và người dân; trong tháng, trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

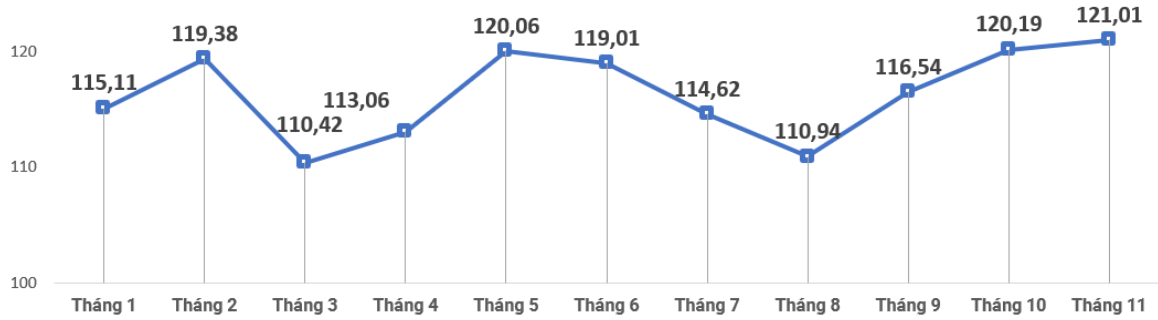
1.3. Sản xuất thủy sản

Tháng 11/2022, sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh ổn định. Tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 1.941,66 tấn, tăng 7,09%; trong đó, sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.782,66 tấn, tăng 7,27% (+120,86 tấn); sản lượng khai thác ước đạt 159 tấn, tăng 7,65 tấn. Hoạt động sản xuất giống thủy sản được mở rộng, các hộ chuyên sản xuất và cung ứng giống thủy sản tiếp tục tu sửa, cải tạo diện tích ương giống và chăm sóc tốt đàn cá bố mẹ, chuẩn bị cho đợt xuống giống đầu năm sau. Số lượng con giống do các cơ sở trên địa bàn sản xuất trong tháng ước đạt 62,5 triệu con.

Tính chung 11 tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 21.521,33 tấn, tăng 0,96%; trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 19.802,52 tấn, tăng 1,07%, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.718,81 tấn, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021. Số lượng con giống do các cơ sở trên địa bàn sản xuất ước đạt 3.060,2 triệu con, tăng 2,14% so với cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 11/2022, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp đạt mức tăng khá so với tháng trước và so với cùng kỳ. Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sự chủ động hơn về nhân lực và phương án sản xuất kinh doanh; tích cực tìm kiếm đơn hàng mới, mở rộng thị trường cung ứng nguyên vật liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 10,69% so với tháng trước và tăng 21,01% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng đầu năm, IIP ước tính tăng 16,39% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu 02: Chỉ số IIP các tháng năm 2022 (%)

Tháng 11/2022, ước tính chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 10,69% so với tháng trước và tăng 21,01% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 21,18%; ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 11,33%; ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,09%; riêng ngành Khai khoáng giảm 58,06% do trữ lượng khai thác của một số mỏ đá đã gần cạn kiệt. Chỉ số sản xuất cụ thể của một số ngành công nghiệp chủ lực như sau:

+ Ngành sản xuất trang phục tăng 5,60% so với tháng trước và giảm 11,91% so với cùng kỳ năm trước. Những tháng cuối năm, lượng sản phẩm tiêu thụ ở các thị trường truyền thống là Mỹ, EU sụt giảm do các nước này phải đối mặt với tình trạng lạm phát tăng cao, người tiêu dùng có xu hướng hạn chế chi tiêu những mặt hàng không thiết yếu, trong đó có hàng dệt may. Sức mua suy giảm khiến lượng đơn hàng của các doanh nghiệp giảm đáng kể.

+ Ngành sản xuất linh kiện điện tử tiếp tục ổn định và ghi nhận mức tăng 2 con số so với cùng kỳ năm trước, IIP của ngành tăng 4,81% so với tháng trước và 29,21% so với cùng kỳ. Những tháng cuối năm, thời điểm diễn ra nhiều lễ hội mua sắm lớn, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm công nghệ trên thị trường thế giới tăng cao, các doanh nghiệp hỗ trợ điện tử trên địa bàn tỉnh ký kết được nhiều đơn hàng mới với quy mô lớn, gia tăng doanh thu cho ngành.

+ Ngành sản xuất ô tô tăng 40,82% so với tháng trước và giảm 11,13% so với cùng kỳ; sản xuất xe máy tăng 34,07% so với tháng trước và tăng 31,07% so với cùng kỳ. Trong tháng, để đáp ứng nhu cầu thị trường những tháng cuối năm, và dịp lễ tết, các doanh nghiệp lớp trong ngành đã tăng lượng sản xuất, tiếp tục đưa ra nhiều chương trình ưu đãi, khuyến mại hấp dẫn nhằm kích cầu tiêu dùng, nâng cao sức mua. Tuy nhiên, thị trường xe ô tô lắp ráp trong nước hiện đang phải cạnh tranh trực tiếp với thị trường xe nhập khẩu nên sản lượng sản xuất ô tô trong tháng tuy có tăng cao so với tháng trước nhưng vẫn giảm đáng kể so với cùng kỳ.

+ Ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 1,51% so với tháng trước và tăng 22,44% so với cùng kỳ. Các doanh nghiệp trong ngành đã gia tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cho thời điểm cuối năm, là dịp cao điểm hoàn thiện các công trình xây dựng nhất là nhà ở của hộ dân cư.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 11/2022 đều có sản lượng sản xuất tăng so cùng kỳ năm trước; trong đó, một số sản phẩm chủ lực của tỉnh ghi nhận mức tăng khá, đóng góp chủ yếu vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp: Giày thể thao ước đạt 1.410,5 nghìn đôi, tăng 15,86%; gạch ốp lát đạt 9.419,2 nghìn m², tăng 22,44%; xe máy các loại đạt 189.724 chiếc, tăng 31,07%; doanh thu sản xuất linh kiện điện tử ước đạt 24.048 tỷ đồng, tăng 29,21% so với tháng 11/2021.

Tính chung 11 tháng năm 2022, IIP ước tăng 16,39% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 11,30%). Một số ngành công nghiệp trọng điểm phát triển ổn định và có IIP tăng khá so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 21,84%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 20,83%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 16,50%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,82%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 10,65%. Ngược chiều, một số ngành có IIP giảm so với cùng kỳ do hoạt động sản xuất còn gặp khó khăn: Ngành khai khoáng khác giảm 37,07%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 20,32%; sản xuất kim loại giảm 4,41%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 3,40%.

Tính chung 11 tháng đầu năm nay, sản lượng sản xuất của 06 sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên của tỉnh đều tăng so với 11 tháng đầu năm 2021.

Hình 03: Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 11 tháng đầu năm 2022



Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/11/2022 tăng 2,72% so với tháng trước và tăng 5,01% so với cùng kỳ năm 2021. So với cùng kỳ, trừ ngành khai khoáng, ba ngành công nghiệp cấp I còn lại

đều có chỉ số sử dụng lao động tăng. Lũy kế đến hết tháng 11/2022, chỉ số sử dụng lao động tăng 1,51% so với cùng kỳ.

Tháng 11/2022, Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 19,36% so với tháng trước và tăng 1,05% so cùng kỳ. So với tháng trước, 14 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng với một số ngành tăng cao là: Sản xuất xe có động cơ tăng 31,77%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 27,37%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 13,64%;... 04 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, trong đó, giảm mạnh nhất ở 02 ngành: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu và ngành sản xuất trang phục với tỷ lệ giảm lần lượt là 52,39% và 13,29%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Mười một tăng 5,88% so với tháng trước và giảm 56,48% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, 09 ngành công nghiệp có chỉ số tồn kho tăng, 07 ngành công nghiệp có chỉ số tồn kho giảm, 02 ngành giữ mức ổn định. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 203,20%; sản xuất xe có động cơ tăng 81,00%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 35,12%. Các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 61,28%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 32,50%; dệt giảm 29,71%./.

3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

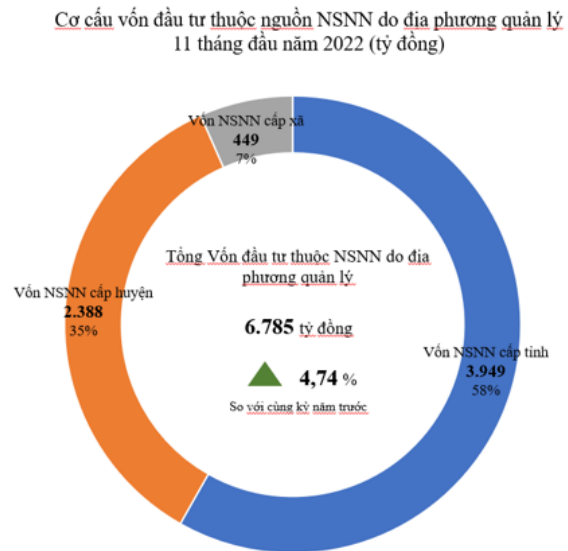
3.1. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước

Tháng 11/2022, Tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tiếp tục duy trì xu hướng tăng và là tháng thứ 11 tăng liên tiếp kể từ đầu năm. Tính chung 11 tháng đầu năm tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt 69,54% kế hoạch. Đây là kết quả của sự chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, đặc biệt trong công tác giải ngân vốn đầu tư công nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp, tổ chức, nhà đầu tư, đóng góp tích cực cho tăng trưởng chung của tỉnh trong năm 2022.

Tháng 11/2022, dự kiến tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt 973,11 tỷ đồng, tăng 6,39% so với tháng trước, tăng 2,30% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tăng chủ yếu ở nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện với 278,77 tỷ đồng, tăng 16,55%, vốn ngân sách cấp xã đạt 48,97 tỷ đồng, tăng 114,98% và vốn ngân sách cấp tỉnh chỉ đạt 645,37 tỷ đồng, giảm 6,37% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Hình 04: Cơ cấu vốn đầu tư thuộc nguồn NSNN do địa phương quản lý 11 tháng đầu năm 2022

Tính chung 11 tháng đầu năm, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 6.785,57 tỷ đồng, tăng 4,74% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước cao nhất là các công trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài (ODA) với 276,98 tỷ đồng, vượt 76,14% kế hoạch năm. Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 3.949,07 tỷ đồng, giảm 9,05%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 2.387,75 tỷ đồng, tăng 27,28%, vốn ngân sách cấp xã đạt 448,74 tỷ đồng, tăng 106,67% so với cùng kỳ năm trước.



3.2. Tình hình thu hút đầu tư

Công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh trong những tháng cuối năm có nhiều tín hiệu khởi sắc, lượng vốn đầu tư thu hút được tăng đều qua các tháng, tăng chủ yếu ở các dự án điều chỉnh quy mô vốn đăng ký, điều đó cho thấy Vĩnh Phúc tiếp tục là điểm đến đầu tư an toàn, tiềm năng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước².

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/11/2022, toàn tỉnh đã thu hút được 26 dự án DDI (17 dự án cấp mới, 09 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 12.220 tỷ đồng, giảm 26,23% về số dự án, giảm 25,71% về vốn đăng ký. Trong đó, ngành dịch vụ được cấp phép mới lớn nhất với 8.346 tỷ đồng, chiếm 78,68% tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng 15,58%; ngành công nghiệp đạt 2.262 tỷ đồng, chiếm 21,32% tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng 124,60% so với cùng kỳ năm trước.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được 62 dự án (27 dự án cấp mới, 35 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 317,96 triệu USD, bằng 31,42% so với cùng kỳ³. Vốn FDI đăng ký tăng mạnh ở các dự án điều chỉnh tăng quy mô vốn hoạt động với 140,93 triệu USD (cho 35 dự án), tăng 6,50%, tăng chủ yếu ở ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 138,48 triệu USD, tăng 7,53% so

² Theo báo cáo của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, tính đến hết tháng 10/2022 tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đạt trên 54%, trong đó, khu công nghiệp Bình Xuyên II (giai đoạn I), đạt tỷ lệ lấp đầy gần 100%; khu công nghiệp Bình Xuyên đạt 98%; khu công nghiệp Khai Quang đạt 96%; khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc đạt trên 82%...

³ Tổng vốn FDI đăng ký 11 tháng đầu năm 2021 tăng đột biến ở 01 dự án lớn với tổng mức đầu tư lên tới 611 triệu USD, nâng tổng vốn thu hút được cùng kỳ năm 2021 lên 1.012 triệu USD.

với cùng kỳ năm trước. Nhật Bản là quốc gia đầu tư nhiều nhất với 175,47 triệu USD (cho 11 dự án) chiếm 55,19%; Hàn Quốc đầu tư 68,93 triệu USD (cho 35 dự án), chiếm 21,68% tổng vốn FDI đăng ký.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/11/2022, toàn tỉnh có 1.235 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 21.148 tỷ đồng, tăng 17,40% về số doanh nghiệp, tăng 86,96% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới tập trung chủ yếu ở khu vực dịch vụ là 781 doanh nghiệp (chiếm 63,24%) với 7.100 tỷ đồng vốn đăng ký mới, tăng 24,76% về số doanh nghiệp và tăng 1,21% về vốn đăng ký. Trong đó, ngành bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có số lượng doanh nghiệp thành lập lớn nhất là 414 doanh nghiệp (chiếm 53,01% trong khu vực dịch vụ) với tổng vốn đăng ký đạt 2.867 tỷ đồng. Tiếp theo là khu vực công nghiệp, xây dựng với 446 doanh nghiệp (chiếm 36,11%) đạt 13.970 tỷ đồng đăng ký mới, tăng 7,73% về số doanh nghiệp và tăng 241,98% về vốn đăng ký.

11 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước



Số lượng doanh nghiệp tham gia quay trở lại thị trường tiếp tục có xu hướng tích cực với 383 doanh nghiệp, tăng 16,77% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 11 tháng đầu năm 2022 lên 1.618 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 147 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động).

Tuy vậy, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, giải thể vẫn tiếp tục tăng, các doanh nghiệp quy mô nhỏ do chịu tác động từ việc tăng giá các nguyên vật liệu đầu vào, khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay còn hạn chế dẫn tới buộc phải tạm ngừng hoạt động⁴. Cụ thể: số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong kỳ là 606 doanh nghiệp, tăng 21,44% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có

⁴ Theo số liệu từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, tính riêng từ 16/10/2022 đến 15/11/2022 có 20 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 06 doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể.

thời hạn là 532 doanh nghiệp, tăng 29,44%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 74 doanh nghiệp, giảm 15,91%. Trung bình mỗi tháng có 55 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Thương mại, dịch vụ

Tháng 11/2022, tình hình kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và tăng khá. Các nhà phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tích cực đa dạng hóa sản phẩm với nhiều mặt hàng phong phú về chủng loại, đa dạng về mẫu mã; đưa ra nhiều chương trình giảm giá, khuyến mại hấp dẫn nhằm kích cầu tiêu dùng và gia tăng sức mua trong dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 2,26% so với tháng trước và tăng 23,42% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 60,32 nghìn tỷ đồng, tăng 20,43% so với cùng kỳ.

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 11/2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.261,2 tỷ đồng, tăng 2,26% so với tháng trước và tăng 23,42% so với cùng kỳ.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.517,1 tỷ đồng, chiếm 88,12% tổng mức, tăng 2,33% so với tháng và tăng 23,05% so với cùng kỳ. Đây là tháng thứ 9 liên tiếp, doanh thu bán lẻ hàng hóa trên địa bàn ghi nhận mức tăng so với cùng kỳ. Trong đó nhóm hàng xăng dầu các loại tăng 215,67%; ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 64,31%; hàng may mặc tăng 38,99%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 33%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con tăng 34,05%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 9,87% so với cùng kỳ; lương thực, thực phẩm tăng 7,32%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 497 tỷ đồng, chiếm 7,94% tổng mức, tăng 1,07% so với tháng trước và tăng 29,87% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 47,89 tỷ đồng, tăng 89,42%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 433,5 tỷ đồng, tăng 21,3% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ du lịch ước đạt 15,6 tỷ đồng.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng ước đạt 247,1 tỷ đồng, chiếm 3,95% tổng mức, tăng 3,16% so tháng trước và tăng 19,66% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ năm 2021, tất cả các nhóm ngành dịch vụ đều ghi nhận doanh thu tăng cao, đáng chú ý là ngành: Dịch vụ kinh doanh bất động sản ước đạt 163,6 tỷ đồng, tăng 14,39%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ ước đạt gần 77,1 tỷ đồng, tăng 16,18%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước đạt 22,8

tỷ đồng, tăng 32,58%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí ước đạt 37,6 tỷ đồng, tăng 33,89%.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 60.328,3 tỷ đồng, tăng 20,43% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 53.765,8 tỷ đồng, tăng 20,4%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành là 4.221,2 tỷ đồng, tăng 23,98%; doanh thu các ngành dịch vụ khác là 2.341,3 tỷ đồng, tăng 14,99% so với cùng kỳ.

4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Hoạt động vận tải trong những tháng cuối năm diễn ra sôi động hơn do nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân gia tăng khi dịp lễ tết cuối năm đến gần. Doanh thu vận tải tháng 11 năm 2022 ước đạt 452,72 tỷ đồng, tăng 1,97% so với tháng trước và tăng 37,84% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 85,08 tỷ đồng, tăng 2,92% so với tháng trước và tăng 193,41% so với cùng kỳ do hoạt động vận tải hành khách trong tháng 11/2021 bị hạn chế bởi đại dịch Covid-19. Khối lượng hành khách vận chuyển ước đạt 1.791,5 nghìn lượt người, tăng 2,23%; khối lượng hành khách luân chuyển trong tháng ước đạt 100,41 nghìn người.km, tăng 2,24% so với tháng trước.

Tính chung 11 tháng đầu năm, vận tải hành khách ước đạt 18.230,8 nghìn lượt khách, tăng 78,82%; luân chuyển ước đạt trên 1.072.175 nghìn lượt khách.km, tăng 64,68% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu hoạt động dịch vụ vận tải hàng hoá tháng Mười ước đạt 353,87 tỷ đồng, tăng 20,79% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3.885,6 nghìn tấn, tăng 1,14%; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 283.608 nghìn tấn.km, tăng 1,39% so với tháng trước.

Tính chung 11 tháng đầu năm, vận tải hàng hóa đạt gần 37.275 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 39,63%; luân chuyển ước đạt 2.558.158 nghìn tấn.km, tăng 27,35% so với cùng kỳ năm trước.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước

Mười một tháng đầu năm, cân đối ngân sách Trung ương và ngân sách các cấp địa phương được đảm bảo, các cấp chính quyền, ngành chức năng đã gia tăng các biện pháp kiểm soát lạm phát, kịp thời thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, nhất là chính sách miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí; gia tăng các biện pháp không để

lọt nguồn thu; đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc tăng trưởng khá so với cùng kỳ, qua đó đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách của tỉnh.

Theo số liệu Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến 15/11/2022, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 30.282 tỷ đồng, tăng 5,76% so với cùng kỳ, bằng 94,95% so với dự toán. Trong đó, thu nội địa đạt 24.351 tỷ đồng, tăng 1,97%. Khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tiếp tục là khối đóng góp chính trong mức tăng của tổng thu nội địa (đạt 17.327 tỷ đồng, chiếm 71,16% thu nội địa và tăng 9,79% so với cùng kỳ năm trước); tiếp theo là các khoản thu về nhà, đất đạt 3.163 tỷ đồng, tiếp tục là nguồn thu vượt mức dự toán lớn nhất (vượt 83,63% so với dự toán). Thu Hải quan đạt 5.909 tỷ đồng, tăng 35,74% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/11/2022 đạt 18.934 tỷ đồng, tăng 5,93% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả chi tạm ứng) đạt 10.292 tỷ đồng, tăng 10,41%; chi thường xuyên đạt 8.604 tỷ đồng, tăng 1,06% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh, xã hội của địa phương.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Mười một tháng đầu năm, lãi suất thế giới tăng nhanh, xu hướng lạm phát quốc tế ở mức cao, tạo áp lực lạm phát trong nước gia tăng. Để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành với tổng mức tăng là 2%/năm⁵. Do đó, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn có xu hướng tăng so với cuối năm 2021 (lãi suất tiền gửi bình quân tăng 0,52%/năm, lãi suất cho vay bình quân tăng khoảng 0,4%/năm) chủ yếu do nhu cầu tín dụng tăng cao nhằm đáp ứng cho tăng trưởng kinh tế phục hồi trở lại; cụ thể: Lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 5-11,5%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,8-9%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 30/11/2022 ước đạt 116.500 tỷ đồng, tăng 14,17% so với cuối năm 2021, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 84.000 tỷ đồng, tăng

⁵ Tăng 0,8-2% lãi suất tiền gửi tối đa bằng VNĐ kỳ hạn đến 6 tháng (trừ lãi suất tiền gửi bằng VNĐ đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm; kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6%/năm); tăng 1%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (hiện là 5,5%/năm).

18.62%, chiếm 72,10% tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 32.500 tỷ đồng, tăng 4.08% so với cuối năm 2021, chiếm 27,90% tổng dư nợ. Nợ xấu 820 tỷ đồng tăng 0.74% so với tháng 12/2021, chiếm tỷ lệ 0.7% trên tổng dư nợ. Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 30/11/2022 đạt 103.000 tỷ đồng, tăng 6.91% so với cuối năm 2021. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm ước đạt 66.800 tỷ đồng, tăng 5.85% so với cuối năm 2021; tiền gửi của các tổ chức kinh tế ước đạt 35.400 tỷ đồng, tăng 8.38.% so với cuối năm 2021.

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo NĐ 31 và Thông tư 03 đến lũy kế từ đầu chương trình đến nay có 43 khách hàng được hỗ trợ lãi suất (HTLS) với số tiền 362,39 triệu đồng, trong đó: 01 DN được HTLS 342,42 triệu đồng; 39 hộ kinh doanh được HTSL 19,98 triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay được HTLS đến cuối kỳ đạt 143,76 tỷ đồng.

5.3. Bảo hiểm

Ước tính đến 30/11/2022 toàn tỉnh có 1.136.308 người tham gia đóng bảo hiểm các loại. Trong đó, tham gia BHXH có 251.412 người, chiếm 41,2% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 233.610 người; BHXH tự nguyện: 17.802 người) tham gia BH thất nghiệp: 225.636 người, chiếm 37% lực lượng lao động; tham gia BHYT: 1.118.506 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 93,5% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 5.248,4 tỷ đồng, đạt 89,6% kế hoạch giao và tăng 10,46% so với cùng kỳ năm 2021. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Mười một tháng đầu năm, BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 695 người; BHXH một lần cho 9.434 người; Giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 211.017 lượt người; lập danh sách chi trả cho 9.448 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

6. Chỉ số giá

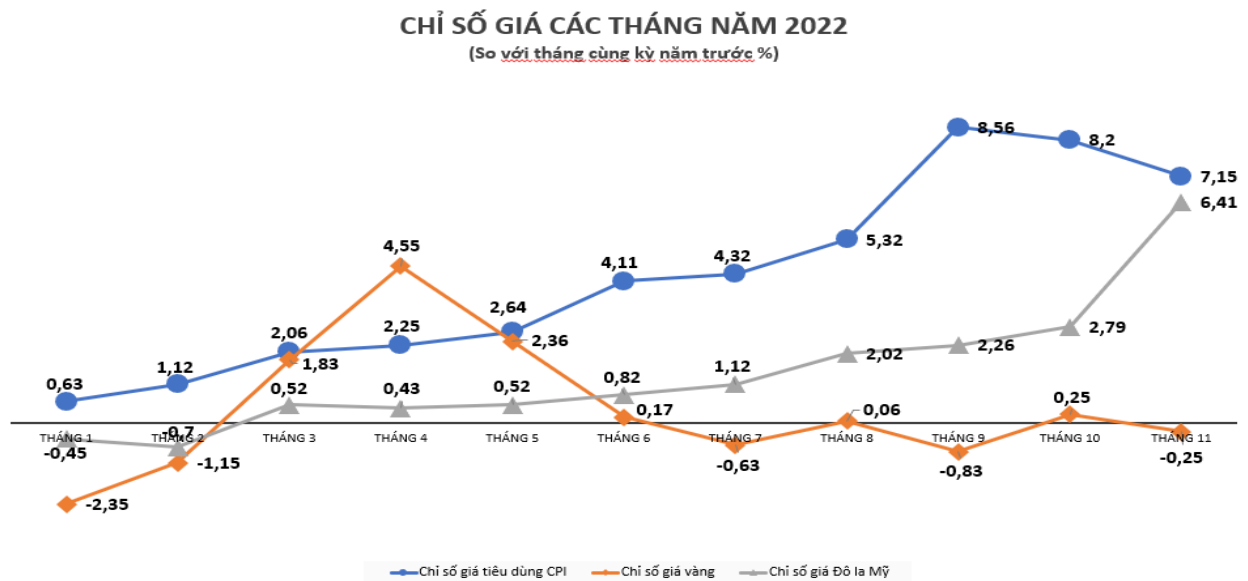
Giá thịt gia súc, gia cầm, rau tươi, hoa tươi,... giảm do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu tiêu thụ của người dân đang ở mức ổn định, một số loại vật liệu xây dựng như: thép, cát vàng, cát đen,... có xu hướng giảm là nguyên nhân chính tác động làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2022 giảm 0,15% so với tháng trước. Tuy nhiên, so với tháng 12/2021 và cùng kỳ, CPI vẫn đang ở mức tăng cao, lần lượt tăng 7,46% và tăng 7,15%.

So với tháng trước, CPI giảm ở 3/11 nhóm hàng chính, giảm sâu nhất ở nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống với mức giảm 1,15%, tác động làm CPI giảm 0,38 điểm

phần trăm, do ảnh hưởng chỉ số giá nhóm thực phẩm⁶ giảm 1,89%. Tiếp theo là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,51% do nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt của người dân giảm, cùng với đó giá thép, cát vàng, cát đen xây dựng giảm nhẹ làm cho chỉ số nhóm điện và vật liệu, bảo dưỡng nhà ở giảm lần lượt là 3,94% và 0,36%. Mặc dù nhu cầu tiêu thụ hoa trong ngày 20-11 tăng lên nhưng do thời tiết thuận lợi, sản lượng hoa thu hoạch được tăng lên tạo nguồn cung dồi dào làm cho giá hoa tươi giảm 6,42%, cùng chiều mặt hàng tivi màu giảm 0,24%, đồ chơi trẻ em giảm 0,36% tác động làm chỉ số nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,18%.

Ở chiều ngược lại, có tới 7/11 nhóm hàng tăng giá trong đó tăng cao nhất là nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,18%, tác động làm CPI tăng 0,13 điểm phần trăm, do thời tiết đang trong giai đoạn chuyển mùa, nhu cầu tiêu dùng của người dân cho các sản phẩm may mặc mùa đông tăng cao, làm cho giá các mặt hàng này tăng theo. Trong tháng, giá nhiên liệu được điều chỉnh tăng giá 2 kỳ làm cho chỉ số nhóm nhiên liệu tăng 5,43% kéo theo chỉ số nhóm giao thông tăng 1,18%, tác động làm CPI tăng 0,17 điểm phần trăm. Các nhóm hàng hóa khác có chỉ số giá ổn định hoặc biến động tăng nhẹ.

Hình 06: Chỉ số giá các tháng năm 2022



Mười một tháng đầu năm, CPI tăng 4,20% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù giá nhiên liệu được điều chỉnh giảm mạnh trong những tháng gần đây nhưng tính chung giá nhiên liệu vẫn tăng cao (tăng 31,87%) so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,92 điểm phần trăm, đây cũng là yếu tố chính làm CPI tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Việc điều chỉnh mức thu học phí tăng cao trong năm học 2022-2023 đã đẩy chỉ số nhóm dịch vụ giáo dục tăng cao 13,46%

⁶ Giá thịt lợn giảm 3,82%, thịt bò giảm 3,94%, nội tạng động vật giảm 1,56%, thịt chế biến (giò, chả, thịt quay,...) giảm 1,53%, thịt gà giảm 1,26%, thịt gia cầm đông lạnh giảm 1,36%.

so với bình quân cùng kỳ, làm CPI tăng 0,87 điểm phần trăm. Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng mạnh 10,67%, do giá nguyên vật liệu chế biến và nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng, làm cho nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,63%, tác động làm CPI chung tăng 0,68 điểm phần trăm. Ở chiều ngược lại, giá các loại thịt gia súc giảm sâu so với cùng kỳ (giảm 6,83%), chủ yếu giảm ở nhóm thịt lợn và giảm sâu hơn ở các tháng đầu năm, đã tác động làm CPI chung giảm 0,41 điểm phần trăm.

Giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 11/2022, chỉ số giá vàng tăng 1,54% so với tháng trước, giá vàng bình quân là 5.461 nghìn đồng/chi. Giá Đô la Mỹ trên thị trường tự do tăng 2,61% so với tháng trước, giá bán bình quân là 24.420 đồng/USD. Bình quân 11 tháng đầu năm, chỉ số giá vàng tăng 0,35%, chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 1,49 % so với cùng kỳ năm trước

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Y tế

Công tác phòng chống dịch bệnh: Hiện nay, dịch Sốt xuất huyết đang có diễn biến phức tạp tại nhiều tỉnh thành trong cả nước, với số ca mắc liên tục gia tăng trong thời gian gần đây, các bệnh truyền nhiễm khác cũng xuất hiện rải rác tại một số địa phương. Từ ngày 01 đến 31/10/2022, số ca mắc các bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh so với cùng kỳ năm trước như sau: 88 ca mắc Sốt xuất huyết, tăng 84 ca; 43 ca Tay - Chân - Miệng, tăng 40 ca; Cúm 745 ca, giảm 94 ca; Tiêu chảy 165 ca, giảm 213 ca; viêm gan vi rút B 10 ca, tăng 03 ca;... Trước tình hình đó, ngành Y tế tỉnh Vĩnh Phúc đã chủ động tuyên truyền hướng dẫn các địa phương cách phòng chống dịch bệnh; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh nhằm phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh. Toàn bộ các ca mắc đã được ngành Y tế xử lý và điều trị kịp thời, không để dịch bệnh lớn xảy ra.

Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Tình hình dịch bệnh COVID-19 trong tỉnh có xu hướng giảm, số ca mắc COVID-19 ghi nhận trong những ngày gần đây duy trì ở mức thấp. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 17/11/2022 số ca nhiễm COVID-19 trên địa bàn tỉnh là 364.739 ca, trong đó có 322 ca phát sinh trong tháng. Hiện nay, toàn tỉnh có 40 bệnh nhân đang điều trị (Điều trị tại các cơ sở cách ly y tế là 06 người, chiếm 15%; điều trị tại nhà 24 người, chiếm 85%). Công tác tiêm phòng vắc xin COVID-19 mũi 2 cho trẻ em từ 05 đến 12 tuổi đang được ngành Y tế của tỉnh đẩy nhanh tiến độ. Đến nay, tổng số trẻ đã được tiêm phòng là 143.506 trẻ (trong đó: Mũi 1: 145.503 , đạt 91%; Mũi 2: 90.705, đạt 57,5%).

Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm: Theo báo cáo của Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm tỉnh, Từ ngày 01 đến ngày 31/10/2022, ngành Y tế và Ủy ban

nhân dân các cấp trong tỉnh đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát được 231 lượt cơ sở: Có 201 cơ sở đạt, chiếm tỷ lệ 87,0 %; số cơ sở vi phạm 30 cơ sở, chiếm 13,0 % (số cơ sở bị nhắc nhở là 27, số cơ sở bị xử lý vi phạm 03), số tiền xử phạt là 5,6 triệu đồng. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không xảy ra hiện tượng ngộ độc thực phẩm.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến ngày 31/10/2022: Lũy tích có 4.906 người nhiễm HIV (số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.365 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.376 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 1.559 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.099 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 895 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.807 (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.470 người). Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.095 bệnh nhân (trong đó có 23 trẻ em).

7.2. Giáo dục

Trong tháng, các trường học trên địa bàn tỉnh đã tổ chức nhiều phong trào hoạt động thi đua sôi nổi nhằm tri ân các thầy, cô mừng Kỷ niệm 40 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 – 20/11/2022). Như như: Phong trào "Dạy tốt - Học tốt"; làm Báo tường; các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; trang trí lớp học, vệ sinh trường lớp... Các hoạt động được diễn ra thiết thực, trang trọng, có ý nghĩa giáo dục và tạo được không khí vui tươi, phấn khởi trong toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh trong tỉnh.

Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc đã và đang triển khai nhiều giải pháp góp phần tăng cường ứng dụng tiến bộ của công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số. Đến nay, 100% trường học trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi số; 100% cơ sở giáo dục đã khai thác, sử dụng các kho học liệu trực tuyến dùng chung trên các nền tảng số, 100% cơ sở giáo dục sử dụng các nền tảng số để thông tin, liên lạc với phụ huynh về tình hình học tập của học sinh.

7.3. Hoạt động văn hóa, thể thao

Trong tháng, tỉnh đã triển khai các hoạt động tuyên truyền, chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh Phúc (02/3/1963 - 02/3/2023) và Mừng Đảng - Mừng Xuân Quý Mão 2023. Bên cạnh đó, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch của tỉnh đã tổ chức nhiều chương trình văn hóa nghệ thuật và chiếu phim ở các địa phương phục vụ đông đảo nhân dân trong tỉnh.

Trong kỳ, ngành chức năng của tỉnh tập trung quản lý và duy trì tập luyện thường xuyên 15 đội thể thao đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả; phối hợp với đơn vị liên quan để thực hiện công tác tập huấn, thi đấu cho huấn luyện viên, vận

động viên các đội thể thao; triển khai cho vận động viên các đội thể thao tham gia tập huấn, thi đấu Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ IX năm 2022.

7.4. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

Tình hình an ninh trật tự: Tỉnh luôn duy trì chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình địa bàn; tổ chức đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm; tăng cường tuần tra vũ trang, kiểm tra hành chính các địa điểm, tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự; tăng cường công tác quản lý hành chính về cư trú, nhập cảnh nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp cư trú, nhập cảnh trái phép... Từ ngày 15/10/2022 đến ngày 14/11/2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 43 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội (giảm 02 vụ so với tháng trước), làm bị thương 06 người, thiệt hại tài sản 549,24 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 43 vụ (đạt 100%), với 98 đối tượng và thu hồi tài sản trị giá 539,24 triệu đồng.

Tình hình an toàn giao thông: Theo Kế hoạch, từ ngày 15/11/2022 đến ngày 05/02/2023, lực lượng Cảnh sát Giao thông của tỉnh đồng loạt ra quân đợt cao điểm đảm bảo trật tự an toàn giao thông dịp Tết nguyên đán Quý Mão và các Lễ hội đầu xuân 2023. Theo đó, Cảnh sát giao thông các địa phương trong tỉnh sẽ đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao; sử dụng triệt để các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ để xử lý nghiêm các hành vi; tăng cường và duy trì các tổ công tác phối hợp cảnh sát trật tự, cảnh sát hình sự, cảnh sát cơ động... để phòng, chống tội phạm và đua xe trái phép. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 06 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm cho 06 người chết và 03 người bị thương. Nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông chủ yếu do ý thức chấp hành giao thông của người tham gia giao thông còn yếu như: phóng nhanh, vượt ẩu, đi không đúng làn đường quy định... So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn tăng 05 vụ, số người chết tăng 05 người, số người bị thương tăng 03 người.

Tình hình cháy, nổ: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 10 vụ cháy (gồm: 02 vụ cháy nhà đơn lẻ, 01 vụ cháy nhà ở kết hợp kinh doanh, 01 vụ cháy phương tiện giao thông, 01 vụ cháy cơ sở sản xuất kinh doanh, 03 vụ cháy rừng và 01 vụ cháy trạm biến áp), giá trị thiệt hại là 223 triệu đồng và 1.350m² rừng. Cộng dồn từ đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 24 vụ cháy, bị thương 01 người, giá trị thiệt hại là 2.835 triệu đồng và 1.350m² rừng.

Công tác bảo vệ môi trường: Trong tháng Mười một, tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện 38 vụ VPMT, số vụ đã xử lý là 38 vụ với số tiền xử phạt là 92,08 triệu đồng. So với tháng trước, số vụ VPMT và số vụ đã xử lý đều giảm 18 vụ; số tiền xử phạt giảm 126,22 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, phát hiện 353 vụ, xử lý 329 vụ, số

tiền đã xử phạt 2.647,18 triệu đồng. So với lũy kế cùng kỳ năm trước số vụ VPMT phát hiện tăng 285 vụ, số vụ đã xử lý tăng 279 vụ và số tiền xử phạt tăng 1.498,68 triệu đồng./.

Nơi nhận :

- Vụ TH -TCTK;
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong